TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huề

2. Bà Phạm Hải Yến

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXX-ST ngày 02/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đàm Thị D, sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;
2. Bị đơn: Anh Đỗ Đắc N, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình
(Chị D, anh N có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Đàm Thị D có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đắc N có kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/4/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh N tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được khoảng 01 năm là bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N hay cờ bạc rượu chè, bản thân anh N đã 03 lần đi tù về tội đánh bạc, không tu chí làm ăn, chơi bời bạn bè nhiều dẫn đến vợ chồng cãi cọ, xô xát nhau. Năm 2016 chị đã nộp đơn xin ly hôn ra UBND xã A, huyện Q, sau đó vì nghĩ đến con cái chị lại rút đơn về.

Tuy nhiên đến ngày 20/3/2020, khi anh N đi chấp hành án về được ít ngày, anh N lại có hành động đánh chị nên chị phải bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay Chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đắc N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 08/11/2000 và Đỗ Đắc V, sinh ngày 15/10/2003. Con Thu H đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con V, hiện con đang ở cùng anh Đỗ Đắc N và đang học lớp 11 Trường phổ thông trung học Tr, huyện Q. Chị D đề nghị Tòa án giao con V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng yêu cầu anh N góp tiền cấp dưỡng nuôi con V cho chị 1.500.000 đồng/ tháng. Trường hợp con V có nguyện vọng ở với anh Đỗ Đắc N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con, chị nhận góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đàm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Đắc N có ý kiến trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như Chị D khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh tại Thôn Ng, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc, anh luôn chung thủy, yêu thương vợ con. Anh thừa nhận có 03 lần vì ham vui nên anh phải đi chấp hành án về tội đánh bạc xong Chị D vẫn biết và chấp nhận từ nhiều năm nay, cuộc sống vợ chồng đôi khi chỉ xảy ra mâu thuẫn và va chạm nhỏ nhưng đó là chuyện bình thường, gia đình nào cũng có. Chỉ đến ngày 20/3/2020 vợ chồng mới thực sự xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do cách cư xử của Chị D với mẹ đẻ anh khi bà phải đi cấp cứu. Anh có tát nhẹ Chị D 01 cái, Chị D đã bỏ nhà đi và chặn số điện thoại của anh. Ngoài ra anh cho rằng Chị D có quan hệ với người đàn ông khác nên không thiết tha với gia đình. Nay Chị D có đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải giúp vợ chồng quay lại đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con cái, anh vẫn còn yêu thương vợ con và chỉ có một người vợ duy nhất là Chị D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung đúng như Chị D trình bày. Do anh đề nghị đoàn tụ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và các vấn đề khác. Trường hợp buộc phải ly hôn thì: Đối với con Đỗ Thị Thu H, đã có gia đình riêng nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với con Đỗ Đắc V, anh đề nghị Tòa án giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu Chị D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh N thay đổi quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Đỗ Đắc V cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh nhận góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của Chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án do các bên không thống nhất nên Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại cơ sở thôn Ng, xã A để làm rõ tình trạng hôn nhân, nuôi con chung, kết quả xác minh thể hiện: Chị Đàm Thị D và anh Đỗ Đắc N là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng có hai con chung đúng như Chị D, anh N trình bày. Quá trình chung sống, cơ sở thôn được

biết vợ chồng có xảy ra lời qua, tiếng lại với nhau nhưng chưa lần nào cơ sở thôn phải can thiệp. Khoảng tháng 4/2020 Chị D đã bỏ đi, không ở cùng anh N nữa. Cơ sở thôn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2020, con chung Đỗ Đắc V có nguyện vọng được ở cùng cả bố và mẹ. Trường hợp bố mẹ phải ly hôn, con V đề nghị được ở cùng bố là anh Đỗ Đắc N. Tại phiên tòa con Đỗ Đắc V thay đổi ý kiến, đề nghị được ở cùng với mẹ là chị Đàm Thị D.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị D, xử cho Chị D được ly hôn anh N; về con chung: Đề nghị giao con chung Đỗ Đắc V cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị D 1.500.000 đồng/tháng, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Con Đỗ Thị Thu H đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị D phải nộp án phí sơ thẩm, anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đàm Thị D và anh Đỗ Đắc N là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại thôn Ng, xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị D, anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do xảy ra va chạm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Chị D đã bỏ nhà đi nơi khác ở từ khoảng tháng 03/2020 đến nay. Nay Chị D cương quyết xin ly hôn anh N. Anh N xin đoàn tụ. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã kiên trì hòa giải, thuyết phục, động viên để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả, Chị D vẫn dứt khoát không về chung sống cùng anh N. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do

đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị D, xử cho Chị D được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đàm Thị D và anh Đỗ Đắc N có 02 con chung là Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 08/11/2000 và Đỗ Đắc V, sinh ngày 15/10/2003. Con Thu H đã trưởng thành, xây dựng gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

Đối với con Đỗ Đắc V, hiện con V đang ở cùng anh Đỗ Đắc N và đang học lớp 11 Trường phổ thông trung học Tr, huyện Q. Ly hôn, Chị D đề nghị Tòa án giao con V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh N góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Nếu con V có nguyện vọng ở với anh N thì chị cũng chấp nhận và nhận cấp dưỡng nuôi con V cho anh N 1.500.000 đồng/tháng. Anh N không đồng ý ly hôn nên muốn vợ chồng cùng có trách nhiệm nuôi dạy con cái. Trường hợp buộc phải ly hôn, tại phiên tòa anh N đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con V và nhất trí góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của Chị D.

Xét thấy, tại phiên tòa con Đỗ Đắc V có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Đàm Thị D. Chị D, anh N cũng nhất trí thuận theo nguyện vọng của con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con Đỗ Đắc V cho chị Đàm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị D số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh N không yêu cầu nên Hôi đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đàm Thị D được ly hôn anh Đỗ Đắc N.

2. *Về quan hệ con chung:* Xử giao chị Đàm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Đắc V, sinh ngày 15/10/2003, anh Đỗ Đắc N phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị D 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*/01 tháng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Chị D, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Đối với con chung Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 08/11/2000 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. <u>Về quan hệ tài sản chung, nợ chung</u>: Không đặt ra để giải quyết.

4. <u>Về án phí</u>: Chị Đàm Thị D phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004371 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Anh Đỗ Đắc N phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã A, h. Q (nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phượng